

## Chữ Hán:

Chữ Hán vào Việt Nam theo con đường giao lưu văn hóa bắt đầu từ thiên niên kỷ thứ nhất trước công nguyên. Hiện nay, ở Việt Nam còn lưu giữ được số hiện vật như đồ nh c có khắc chữ tượng hình (chữ Hán cổ). Điều này là một phần chứng minh được rằng chữ Hán cổ xuất hiện ở Việt Nam khá sớm và thực sự trở thành phương tiện ghi chép và truyền thông trong những Việt kỳ như những thế kỷ đầu Công nguyên trở đi. Đến thế kỷ VII - XI chữ Hán và tiếng Hán được sử dụng ngày càng rộng rãi ở Việt Nam. Thời kỳ này tiếng Hán được sử dụng như một phương tiện giao tiếp, giao lưu kinh tế thương mại với Trung Quốc. Do Việt Nam bị ách đô hộ của phong kiến phương Bắc trong khoảng thời gian hơn một ngàn năm, vì vậy hầu hết các bài văn khắc trên tấm bia đều bằng chữ Hán. Qua đó, chúng ta có thể thấy rằng chữ Hán có ảnh hưởng to lớn như thế nào đối với nền văn hóa của nước Việt Nam xưa. Từ sau thế kỷ X, tuy Việt Nam giành được độc lập tự chủ, thoát khỏi ách thống trị của phong kiến phương Bắc, nhưng chữ Hán và tiếng Hán vẫn tiếp tục là một phương tiện quan trọng để phát triển văn hóa dân tộc.

## Chữ Nôm:

Dù chữ Hán có sự công nhận như đến đâu chẳng nữa, một văn tự ngoại lai không thể nào đáp ứng, thậm chí bắt đầu trở c đòi hỏi, yêu cầu của việc tiếp ghi chép hoặc diễn đạt ăn tiếng nói cùng tâm tư, suy nghĩ và tình cảm của bản thân người Việt. Chính vì vậy chữ Nôm đã ra đời để bù đắp vào chữ mà chữ Hán không đáp ứng nổi.

Chữ Nôm là một loại văn tự xây dựng trên cơ sở được nét, thành tố và phương thức cấu tạo của chữ Hán để ghi chép tiếng Việt và tiếng Việt. Quá trình hình thành chữ Nôm có thể chia thành hai giai đoạn:

Giai đoạn đầu, tạm gọi là giai đoạn "đồng hóa chữ Hán", tức là dùng chữ Hán để phiên âm các tiếng Việt thường là tên người, tên vật, tên đất, cây cỏ chim muông, đồ vật... xuất hiện trong văn bản Hán. Những chữ Nôm này xuất hiện vào thế kỷ đầu sau Công nguyên (được biết rõ nét nhất vào thế kỷ VI).

Giai đoạn sau: Ở giai đoạn này, bên cạnh việc tiếp tục dùng chữ Hán để phiên âm tiếng Việt,

## Lịch sử các loại chữ viết Việt Nam

Tài liệu: Phạm Đình Chương  
Tháng 11, Hai, 19 Tháng 11 năm 2009 04:23

---

Đã xuất hiện những chữ Nôm từ trước theo một số nguyên tắc nhất định. Loại chữ Nôm từ trước này, sau phát triển theo hướng ghi âm, những ghi chép ngày một sát hơn, đúng hơn với tiếng Việt.

Thời kỳ Lý thế kỷ XI đến đầu thế kỷ XIV thì hầu như không có chữ Nôm mới thực sự hoàn chỉnh. Theo sách đến nay còn ghi lại được một số tác phẩm đã được viết bằng chữ Nôm như đầu thế kỷ có cuốn Thiển Tông Bản Hạnh.

Đến thế kỷ XVIII - XIX chữ Nôm đã phát triển tới mức cao, đạt đến đỉnh cao chữ Hán. Các tác phẩm như Hịch Tây Sơn, Khoa thi hướng dẫn thi ở Quảng Trung (1789) đã có bài thi làm bằng chữ Nôm. Truyen Kieu của Nguyễn Du cũng được viết bằng chữ Nôm là những ví dụ.

Như vậy, có thể thấy chữ Hán và chữ Nôm có những khác nhau cơ bản về lịch sử ra đời, mục đích sử dụng và mối liên hệ có bản sắc riêng về văn hóa.

### Chữ Quốc Ngữ hiện nay:

Ông Alexandre de RHODES viết quy định Tiếng Bồ Đào Nha-Portugais-Latin-Vietnamien và tham dự việc chuyển sang mô hình alphabet La Mã.

Việc chữ tác giả Quốc Ngữ là một công việc tập thể của nhiều linh mục dòng Tên người châu Âu, trong đó nổi bật lên vai trò của Francesco de Pina, Gaspar d'Amaral, Antonio Barbosa và Alexandre de RHODES (Avignon, 1591 - Perse, 1660 )

Trong công việc này có sự hợp tác tích cực và hiệu quả của nhiều người Việt Nam, trước hết là các thầy giảng Việt Nam (giúp việc cho các linh mục người châu Âu). Alexandre De Rhodes đã có công lớn trong việc góp phần sáng tạo và hoàn chỉnh bộ chữ Quốc Ngữ. Điều biệt là ông đã dùng bộ chữ này để biên soạn và in ra cuốn từ điển đầu tiên của người Việt Nam - Bộ Đào Nha - La Tinh (trong đó có phần về ngữ pháp tiếng Việt) và cuốn Phép giảng tám ngày.

## Lịch sử các loại chữ viết Việt Nam

T&#225;c Gi&#7843;: Phạm Đức Dũng  
Th&#7913; Hai, 19 Th&#225;ng 1 N&#259;m 2009 04:23

---

Xét về góc độ ngôn ngữ thì cuốn di ngôn viết n t t v tiếng An Nam hay tiếng đàng ngoài (in chung trong t đi n) có thể đ c xem nh công trình đ u tiên kh o c u v ng pháp. Còn cuốn Phép giảng tám ngày có thể đ c coi nh tác phẩm văn xuôi đ u tiên viết b ng ch Qu c Ng , s đ ng i văn tiếng nói bình dân hàng ngày c a ng i Việt Nam th k XVII.

Tuy ch Qu c ng c a Alexandre De Rhodes năm 1651 trong cuốn t đi n Việt Nam - B Đào Nha - La Tinh đã khá hoàn ch nh nh ng cũng ph i ch đ n t đi n Việt Nam - B Đào Nha - La Tinh (1772), t c là 121 năm sau, v i nh ng c i cách quan tr ng c a Pigneau de Behaine ( Bá Đa L c) thì ch Qu c ng m i có di n m o gi ng nh h th ng ch Việt mà chúng ta đang dùng hi n nay.

## Hành trình chữ viết Việt Nam

Tiếng Việt M ng nh nhi u ng i đã bi t, đ c hình thành cách đây g n 3000 năm do k t qu c a quá trình c ng c gi a ng i Môn-khmer v i ng i Tày c , hình thành m t c ng đ ng dân c m i tam giác châu th sông H ng, sông Mã.

Ngôn ngữ Việt - M ng chung g m hai ph ng ng chính là tiếng k ch đ ng b ng và tiếng mi n ng c trung du mi n núi. Khi nhà Hán đ t ách th ng tr Giao Ch (đ ng b ng B c b ) vào năm 111 sau Công Nguyên, c dân đ ng b ng đã ti p xúc v i văn hóa Hán thông qua b máy cai tr c a các quan thái thú. V i chính sách đ ng hóa và nô đ ch, h đã m tr ng h c ch nho, b t ng i Việt s ng theo đi n ch Trung Hoa... do nh h ng c a 1000 năm đô h c a ng i Trung Hoa mà tiếng k ch đã tr thành tiếng Việt và tiếng mi n ng c tr thành tiếng M ng ngày nay.

Đ n th k th 10, khi ng i Việt giành đ c đ c l p và đ ng nên qu c gia Đ i Việt, tiếng Việt tr thành tiếng ph thông và tách kh i tiếng M ng.

Su t m i th k đ c l p, các tri u đ i quân ch Việt Nam t nguy n ti p nh n mô hình văn hóa Hán m t cách ch đ ng và th ng nh t trong c n c. Ch Hán đ c dùng làm qu c t trong tri u đình, trong thi c , trong văn ch ng bác h c. Đó là th ch c a giai t ng th ng tr đ c suy tôn tr ng v ng và là ch chính th ng. Song song v i nó, tiếng Việt t n t i trong qu ng đ i qu n chúng và là qu c ng . Do đó đ n đ n m t ngh ch lý: qu c t c a tri u đình không ph i đ ghi qu c ng . Vì v y ng i Việt ph i m n ký t ch Hán đ ghi tiếng Việt, đánh đ u s

## Lịch sử các loại chữ viết Việt Nam

T&#225;c Gi&#7843;: Phạm Đức D&#225;ng  
Th&#7913; Hai, 19 Th&#225;ng 1 N&#259;m 2009 04:23

---

ra đời của chữ nôm. Đó là điều đáng ngạc nhiên vì khi đó các nước láng giềng của ta như Lào, Cam-pu-chia, Thái lan... đều sử dụng chữ Hán để sáng tạo nên chữ viết của họ. Do vậy quy tắc tạo và quy tắc ngữ của họ là một và được dùng để diễn bày gì.

Vì chữ nôm được ghi tiếng Việt nên người Việt dùng để sáng tác thơ ca theo tiếng mẹ đẻ của mình. Còn chữ Hán được dùng để sáng tác thơ kiểu Trung Quốc (thể Đường ngữ...), và để viết thư văn xuôi (Hoàng Lê Nhất thống chí, Truyện Kiều Mãn lạc, Lĩnh nam Trích quái...). Thế kỷ 17 - 18 được đánh dấu bởi sự bùng nổ của văn chương chữ nôm với các tác phẩm truyện, thơ, ngữ ngôn ngữ tiếng như (Kiều của Nguyễn Du, bản dịch Chinh Phụng ngâm của Đoàn Thụ Diễm, thơ Hồ Xuân Hương...).

Tiếng Việt thời đó hình thành hai lớp từ mượn Hán: lớp Việt hóa hoàn toàn: ví dụ: tên, hàng, chợ, mùa... Và lớp Hán Việt là những từ mượn Hán và chữ Việt hóa triết để: chẳng hạn ta có tên núi nên không thể nói "tôi lên sốn" như người ta lại nói "có cô sốn n ở vùng sốn của hát bài sốn ca trong một sốn trười..." Chữ nôm do vậy chứa bao gồm được những cách ghi, mối liên hệ có thể ghi khác nhau. Điều đó lý giải vì sao cùng một tác phẩm chữ nôm lại có nhiều cách "luận" và hiểu khác nhau.

Đến thế kỷ 17, với mục đích du nhập Thiên Chúa giáo vào Việt Nam, các giáo sĩ người Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha được sự giúp đỡ của các giáo sĩ người Việt đã Latinh hóa chữ viết để truyền giáo (thể ngữ chữ viết gần liền với tôn giáo), đồng thời tách người Việt ra khỏi khuôn viên của chữ vuông và văn hóa Khổng giáo.

Quá trình xây dựng chữ viết trên cơ sở chữ Latinh mà ngày nay gọi là chữ quy tắc ngữ đã lập nên quy trình sáng tác chữ nôm. Alexandre de Rhodes (Bá Đa Lộc) và các giáo sĩ người Âu phải quy tắc hai vấn đề: một là thêm những phụ âm phù hợp với cách đọc của người Việt khác với tiếng Latinh, tiếng Bồ Đào Nha..., hai là (khác với chữ nôm) phải ghi riêng biệt từng tiếng khác với cách viết liền như tiếng châu Âu đa từ.

Quá trình này được phản ánh qua ba cuốn từ điển:

An Nam - Bồ Đào Nha (Gaspar de Amaral);

## Lịch sử các loại chữ viết Việt Nam

Tài liệu: Phạm Đức Hưng  
Tháng 12, Hai, 19 Tháng 12 năm 2009 04:23

---

Bộ Đào Nha - An Nam (Antoine de Barbosa) và

An Nam - Bộ Đào Nha - La tinh (A. de Rhodes - 1651).

Vì tôn trọng cách phát âm của người bản ngữ nên A. de Rhodes đã ghi các âm "ph" thay cho "f", "tl" thay cho "tr", ngaoc (ngọc), thaoc (thóc), bvua (vua); bvui (vui)...

Chính vì đây là những chữ không chính xác và tính không chu đáo hóa của chữ nôm mà chữ quốc ngữ dần dần thay thế. Hơn nữa họ chữ La tinh lại rất dễ đọc và tiện lợi. Vì vậy, lúc đầu các chữ Nho đã hết sức sợ hãi, coi nó là thối chí con giun, con dòi của quốc ngữ. Sau này khi thấy nó tiện lợi, học nhanh, dễ chuyển tiếp các nội dung yêu cầu thì chính các chữ Đông kinh Nghĩa thư trong khi chữ "cửu học", chữ "tân học" đã phát triển và trở thành bá chủ quốc ngữ và văn minh châu Âu. Mọi tân ngữ đều xoay quanh tân học

Đón tân trào, dùng chữ tân dân Tân thư, tân báo, tân văn..."(Nguyễn Quý, giáo sư Đông kinh Nghĩa thư) Chính từ công cuộc viết quan trọng này, việc tiếp xúc văn hóa Đông - Tây của chúng ta đã bước ra khỏi 20 năm ra khỏi bóng tối.

Trong bối cảnh quốc tế hóa hiện nay, tiếng Việt được đánh giá như một trong những nhân tố quan trọng, đóng vai trò tích cực vào quá trình hội nhập của Việt Nam với thế giới.